

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M'ĐRẮK  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HS-ST  
ngày 16 - 9 - 2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Dương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Thành Thông; bà Bùi Thị Thêm.

***- Thư ký phiên tòa:*** ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Duy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Lê Văn T** sinh ngày 10 tháng 12 năm 1977 tại: Thành phố T, tỉnh P. Nơi cư trú: tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Lê Văn T và bà Nguyễn Thị K. Vợ Nguyễn Thị H3 và có 03 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006).

**2. Trần Ngọc H** sinh ngày 20 tháng 12 năm 1971 tại : Thành phố B, tỉnh Đ. Nơi cư trú: tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Trần Ngọc N và bà Võ Thị T2. Vợ Nguyễn Thị Ngọc C và có 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2006). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2022 đến ngày 10/6/2022.

**3. Đoàn Thị H1** sinh ngày 11 tháng 4 năm 1978 tại: Huyện N, tỉnh H. Nơi cư trú: Buôn Đ, xã Cư, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tiền án, tiền sự: không. Con ông Đoàn Văn H4, con bà Phạm Thị B - đã chết, chồng Phạm Văn T1 - đã chết, có 03 con (con lớn

sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2022 đến ngày 10/6/2022.

**4. Nguyễn Thị L** sinh ngày 03 tháng 02 năm 1965 tại: huyện Q, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông: Nguyễn Văn N - đã chết và bà Nguyễn Thị H4. Chồng Nguyễn Ngọc M - đã chết và có 03 con (con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 2005). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2022 đến ngày 10/6/2022.

**5. Ngô Văn S** sinh ngày 04 tháng 10 năm 1984 tại: huyện Đ, tỉnh H. Nơi cư trú: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Trình độ học vấn: 3/12. Nghề nghiệp: Làm nông. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Ngô Văn Đ và bà Nguyễn Thị M. Vợ Lê Thị H4 và có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2000). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/6/2022 đến ngày 10/6/2022.

Các bị cáo hiện đang tại ngoại, đều có mặt tại phiên tòa.

**\* Những người tham gia tố tụng khác:**

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị H2 sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Bà H2 vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Tấn S1 sinh ngày 31 tháng 7 năm 2008. Người đại diện cho anh Nguyễn Tấn S1: Ông Nguyễn Tấn P (bố của anh Nguyễn Tấn S1) sinh năm 1979. Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 07, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Anh S1 và ông P vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Anh Đặng Phi H3 sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ dân phố 07, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Anh H3 vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 6 năm 2022, Đoàn Thị H, Ngô Văn S, Nguyễn Thị L và Trần Ngọc H uống cà phê tại quán Cà phê Như Ý ở tổ dân phố 7, thị trấn M do Lê Văn T làm chủ. Trong lúc uống cà phê, T rủ H, S, L và H1 đánh bạc (chơi phỏm) tại nhà mình để thu tiền xâu, cả nhóm đồng ý. Để phục vụ việc đánh bạc, T đưa cho Nguyễn Tấn S (cháu của T) 200.000 đồng, nhờ S đi mua giúp một hộp bài. T chuẩn bị bàn, ghế và trải chăn lên mặt bàn để tại nhà kho chứa hàng hóa của nhà mình (bên cạnh nhà ở) để H, S, L và H chơi bài phỏm được thua bằng tiền.

Hình thức chơi bài phỏm, mỗi lần chơi tối đa bốn người, người chơi phải bỏ ra số tiền ban đầu từ 2.500.000đồng trở lên. Chón đầu H1 lấy ra 5.000.000đồng, L lấy ra 3.100.000đồng, S lấy ra 4.100.000 đồng, H lấy ra 2.800.000đồng để ra phía trước chỗ ngồi của mình, mỗi người trích ra 100.000đồng để đưa cho T, T nhận tiền rồi đi về nhà. Tỷ lệ được thua, người ít điểm nhất được tất cả, người ít điểm thứ nhì thua 50.000đồng, người ít điểm thứ ba thua 100.000đồng, người nhiều điểm nhất thua 150.000đồng, ai cháy (không có phỏm) thua 200.000đồng, ai ù (đủ 3 phỏm) thì những người còn lại thua 250.000đồng. Ngoài ra, ai bị ăn 01 cây thua thêm 50.000đồng, ai bị ăn 02 cây thua 150.000đồng, ai bị ăn 3 cây thua 300.000đồng và phải trả tiền thua ù thay cho những người thua còn lại (đền làng), nếu ai bị ăn cây chốt hạ thì thua 200.000đồng.

Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, T mua 4 hộp cơm đưa vào kho cho H, S, L và H1, rồi T đi về. Đến 11 giờ 30 phút, H thua hết số tiền đã bỏ ra chón thứ nhất, nên tất cả nghỉ để ăn cơm. Ăn cơm xong, H lấy ra 5.400.000đồng để đánh chón thứ hai, còn H1, S và L vẫn chưa hết tiền của chón đầu, nên không phải lấy tiền ra. Mỗi người lấy ra 100.000đồng bỏ trên chiếc ghế nhựa cạnh bàn đánh bạc để trả tiền xâu cho T. Sau đó, cả nhóm đánh phỏm chón thứ hai. Đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện M’Đrăk bắt quả tang, thu giữ:

- Tiền trên chiếu bạc 19.600.000đồng (bao gồm: Phía trước S 5.600.000đồng; Phía trước H1 1.500.000đồng; Phía trước H 6.000.000đồng; Phía trước L 6.500.000đồng).

- Tiền để trên 02 chiếc ghế nhựa: 400.000đồng của H, Sơn, H1 và L (mỗi người 100.000đồng).

- Thu giữ trên người: S 13.500.000đồng và 01 điện thoại di động SAMSUNG Galaxy A13; H1 6.870.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11; H 2.910.000đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7. Quá trình điều tra xác định Sơn, H1 và H không dùng số tiền này để sử dụng vào việc đánh bạc.

- 02 bộ bài tây loại 52 lá; 01 sọt nhựa đựng 14 hộp giấy (hộp đựng bài tây) và 633 lá bài tây; 01 cái bàn bằng kim loại, mặt bàn được ốp gạch men kích thước (80 x 80)cm; 01chăn mỏng trải trên mặt bàn, 04 cái ghế tựa bằng gỗ, mặt ngồi bọc da màu đen; 02 ghế nhựa sử dụng để đặt tiền xâu; 06 bộ bài tây chưa bóc được bỏ trong hộp lớn tại nơi đánh bạc.

Quá trình điều tra, T tự nguyện giao nộp 400.000đồng tiền xâu và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1080.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 122/KL-HĐĐG ngày 03/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Diện tích phòng nhà kho của Lê Văn T làm địa điểm đánh bạc trị giá: 23.976.000đồng.

\* Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố: Bị cáo Lê Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Trần Ngọc H, Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

\* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nội dung vụ án được tóm tắt nêu trên.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Tấn S khai tại cơ quan Điều tra: Bà H1 là vợ của bị cáo T, bà H1 không biết việc bị cáo T cho các bị cáo đánh phỏm tại kho chứa hàng hóa của nhà mình. Anh Nguyễn Tấn S là cháu của bị cáo T, bị cáo T đưa cho anh S 200.000đồng nhờ mua giúp 01 hộp bài Tú lơ khơ, anh S không biết mục đích bị cáo T sử dụng bài tú lơ khơ làm gì.

\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Trần Ngọc H, Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322 ; Điều 35 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS: Xử phạt Trần Ngọc H từ 9 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS: Phạt bị cáo Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S, mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày các bị cáo bị tạm giữ, khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của các bị cáo để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điều 46, Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS):

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 20.400.000đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc 19.600.000đồng; thu trên ghế cạnh chiếu bạc 400.000đồng; 400.000đồng bị cáo Lê Văn T tự nguyện giao nộp).

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 12.000.000đồng (trị giá một phần căn phòng mà bị cáo Lê Văn T tổ chức đánh bạc) mà bị cáo Lê Văn T đã tự nguyện nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện M’Đrăk.

- Tịch thu tiêu hủy: 633 lá bài tây (tú lơ khơ); 02 bộ bài tây 52 lá/ bộ đã sử dụng; 06 bộ bài tây còn nguyên chưa bóc; 14 hộp giấy đựng bộ bài tây; 01 chiếc sọt đựng bài tây, 04 chiếc ghế tựa bằng gỗ; 02 ghế nhựa; 01 bàn sắt; 01 tấm chăn.

- Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả cho: Bị cáo Ngô Văn S 13.500.000đồng và 01 điện thoại di động SAMSUNG A13; Bị cáo Đoàn Thị H 16.870.000đồng và 01 điện thoại di động Iphone 11; Bị cáo Trần Ngọc H 2.910.000đồng và 01 điện thoại di động OPPO.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 điện thoại NOKIA 1080.

\* Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Các bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: vì mục đích tư lợi, khoảng 8 giờ 30 phút ngày 08/6/2022, tại quán cà phê Như Ý của gia đình bị cáo Lê Văn T ở tổ dân phố 07 thị trấn M. Bị cáo T rủ các bị cáo Trần Ngọc H, Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S chơi phỏm được thua bằng tiền, để bị cáo T thu tiền xâu. Bị cáo T sử dụng kho chứa hàng hóa của gia đình bị cáo T làm địa điểm để các bị cáo chơi phỏm, tại đây bị cáo T chuẩn bị bàn, ghế, bài tú lơ khơ để các bị cáo sử dụng chơi phỏm được thua bằng tiền. Trước khi các bị cáo H, H1, L và S chơi phỏm, các bị cáo đã đưa cho bị cáo T tiền xâu 400.000đồng (mỗi bị cáo 100.000đồng). Số tiền mà lực lượng Công an thu giữ vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày là 20.000.000đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc 19.600.000đồng và 400.000đồng các bị cáo để trên ghế nhằm mục đích trả tiền xâu cho bị cáo T lần thứ 2. Hành vi của các bị cáo H, H1, L và S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS quy định: “1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;”

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc trái phép, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội, nên cần phải xử lý theo pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời có tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Vụ án mang tính giản đơn, tự phát phạm tội. HĐXX, xem xét tính chất, mức độ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của mỗi bị cáo để lượng hình cho tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo đã gây ra.

Bị cáo H dùng số tiền lớn nhất để đánh bạc, nên áp dụng hình phạt đối với bị cáo nghiêm khắc hơn các bị cáo còn lại. Các bị cáo H1, S dùng số tiền tương đương nhau (chênh lệch không đáng kể), nên áp dụng hình phạt tương đương nhau. Bị cáo L dùng số tiền ít nhất so với các bị cáo để đánh bạc, nên áp dụng hình phạt nhẹ hơn là phù hợp. Bị cáo T tổ chức cho các bị cáo đánh bạc, mục đích để thu tiền xâu, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi, tính chất, hậu quả đã gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo H, H1, L và S là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T tự nguyện nộp đủ số tiền trị giá  $\frac{1}{2}$  căn phòng dùng để tổ chức đánh bạc, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo đều có nhân T tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian. HĐXX áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS, cho bị cáo H được hưởng án treo, ấn định một thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo. Áp dụng Điều 36 BLHS để phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo H1, S và L cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Theo biên bản xác minh, các bị cáo H1, S và L không có mức thu nhập ổn định, tại phiên tòa các bị cáo khai có mức thu nhập bình quân là 4.000.000đồng/tháng, nên khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của các bị cáo là 200.000đồng để sung quỹ nhà nước. HĐXX cần áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS để áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo H, H1, S và L. Đối bị cáo T, phạm tội tổ chức đánh bạc, nhưng mang tính giản đơn, thu lợi bất chính số tiền không lớn, nên HĐXX cần áp dụng Điều 35 BLHS để phạt tiền đối với bị cáo, cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Số tiền thu giữ trên chiếu bạc 19.600.000đồng, 400.000đồng thu giữ trên ghế cạnh chiếu bạc để trả tiền xâu cho bị cáo T và 400.000đồng các bị cáo H, S, L và H1 đã đưa cho bị cáo T, bị cáo T tự nguyện giao nộp cho cơ quan Điều tra. Tổng cộng là 20.400.000 đồng. Đây là số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 633 lá bài tây (tứ lơ khơ), 02 bộ bài tây 52 lá/ bộ đã sử dụng, 06 bộ bài tây (tứ lơ khơ) còn nguyên chưa bóc, 14 hộp giấy đựng bộ bài tây, 01 chiếc sọt đựng bài tây, 04 chiếc ghế tựa bằng gỗ, 02 ghế nhựa, 01 bàn sắt, 01 tấm chắn là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Công an thu giữ trên người: Bị cáo S 13.500.000đồng và 01 điện thoại di động SAMSUNG A13; Bị cáo H1 6.870.000đồng và 01 điện thoại di động Iphone 11; Bị cáo H 2.910.000đồng và 01 điện thoại di động OPPO. Các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên quá trình điều tra, cơ quan Cơ quan cảnh sát Điều tra đã lại cho các bị cáo tiền và điện thoại di động là đúng pháp luật, HĐXX cần chấp nhận. Ngoài ra, bị cáo T tự nguyện giao nộp điện thoại NOKIA 1080 cho cơ quan Điều tra công an huyện M'Đrăk, bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với địa điểm đánh bạc là tài sản chung của bị cáo Lê Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị H2, bà H2 không biết việc bị cáo T sử dụng địa điểm trên để cho các bị cáo tham gia đánh bạc, nên bà H2 không có lỗi. Do vậy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị căn phòng 23.976.000đồng mà bị cáo T sử dụng vào việc tổ chức đánh bạc, cụ thể buộc bị cáo T phải nộp sung quỹ nhà nước 11.988.000đồng.

Tuy nhiên, bị cáo T đã tự nguyện nộp 12.000.000đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, HĐXX cần chấp nhận.

Đối với anh Nguyễn Tấn S được bị cáo T nhờ đi mua bài tú lơ khơ để các bị cáo đánh bạc. Tuy nhiên, anh S chỉ mua giúp bị cáo T và không biết bị cáo T mua bài để làm gì, mặt khác anh S cũng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và hành chính nên không xử lý.

[5] Về án phí: các bị cáo bị kết án, các bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Trần Ngọc H, Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

**1.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321 và điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS.**

- Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án 16/9/2022. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Ngọc H 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

**1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:**

- Về hình phạt chính:

+ Phạt bị cáo Đoàn Thị H1 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã C



được giao giám sát, giáo dục bị cáo H1 nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Đoàn Thị H1 trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng).

+ Phạt bị cáo Ngô Văn S 18 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K được giao giám sát, giáo dục bị cáo S nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Ngô Văn S trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng).

+ Phạt bị cáo Nguyễn Thị L 15 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 3 ngày bị cáo bị tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K được giao giám sát, giáo dục bị cáo L nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Thị L trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Giao bị cáo Đoàn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục bị cáo. Giao bị cáo Ngô Văn S và bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S, mỗi bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

**1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 322; Điều 35 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS: Phạt bị cáo Lê Văn T 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng).**

## **2. Áp dụng Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS:**

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 20.400.000đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc 19.600.000đồng; thu trên ghế cạnh chiếu bạc 400.000đồng; 400.000đồng bị cáo Lê Văn T tự nguyện giao nộp). Theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002491 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 12.000.000đồng (trị giá một phần căn phòng mà bị cáo Lê Văn T tổ chức đánh bạc) mà bị cáo Lê Văn T đã tự nguyện nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002407 ngày 15/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Tịch thu tiêu hủy: 633 lá bài tây (tú lơ khơ); 02 bộ bài tây 52 lá/ bộ đã sử dụng; 06 bộ bài tây còn nguyên chưa bóc; 14 hộp giấy đựng bộ bài tây; 01 chiếc sọt đựng bài tây, 04 chiếc ghế tựa bằng gỗ; 02 ghế nhựa; 01 bàn sắt; 01 tấm chắn.

- Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk đã trả cho: Bị cáo Ngô Văn S 13.500.000đồng và 01 điện thoại di động SAMSUNG A13; Bị cáo Đoàn Thị H1 6.870.000đồng và 01 điện thoại di động Iphone 11; Bị cáo Trần Ngọc H 2.910.000đồng và 01 điện thoại di động OPPO.

-Trả lại cho bị cáo Lê Văn T điện thoại NOKIA 1080.

Số lượng, đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrăk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk ngày 15/9/2022.

**3. Về án phí:** áp dụng Điều 136 BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo Lê Văn T, Trần Ngọc H, Đoàn Thị H1, Nguyễn Thị L và Ngô Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST.

#### **4. Báo quyền kháng cáo**

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư Pháp Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Công an huyện M'Đrăk;
- T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các bị cáo;
- Đương sự;
- UBND thị trấn M, xã Krôngjng, xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thế Dương**